

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HS-ST
Ngày 10/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Nghĩa

Ông Lưu Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Truyền Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 24/02/2022 đối với các bị cáo:

1. S, sinh ngày 12/5/1995; Tên gọi khác: S M; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 305/TH, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ng và bà L; Vợ, con: chưa có; Có 02 chị em, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 8 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2011, bị Ủy ban nhân dân xã T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 06 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản. Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, sau đó chấp hành án tại Trại giam Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đến ngày 28/4/2017 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội. Sau khi phạm tội, đến ngày 15/01/2021 bị Công an xã B phạt 750.000 đồng và ngày 23/02/2021 bị Công an xã T phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri từ

ngày 01/4/2021, đến ngày 29/4/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam thì bỏ trốn. Ngày 29/9/2021 bị bắt và tạm giữ theo quyết định truy nã, đến ngày 02/10/2021 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ph , sinh ngày 10/6/2000; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 101/TP, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông V và bà D; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri từ ngày 09/11/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. H , sinh ngày 19/9/1998; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 092/TP, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Th và bà B; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 10 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội. Sau khi phạm tội, đến ngày 20/7/2020 bị Công an xã T phạt 750.000 đồng và đến ngày 21/8/2021 bị UBND xã T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng cùng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đến ngày 17/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 14 tháng. Bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri từ ngày 22/12/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Kh, sinh ngày 10/11/2002;

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Hu, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

2. V, sinh năm 2004;

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 24/6/2020, S , Ph , H , Hu đến Quán Mộc ở ấp T, xã B, huyện B vào chòi số 02 uống cà phê. Lúc này, Kh đang uống rượu cùng với V tại chòi số 01 gần bên đi qua chòi số 02 có cử chỉ và lời nói làm cho nhóm của S

không hài lòng. Khi Kh trở về chòi số 01, Ph, S, H bàn bạc thống nhất đánh Kh, nên Ph lấy xe mô tô chở H đến quán cà phê Nhã Kỳ ở ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre lấy 03 con dao trở lại thì gặp S đón trước cổng Quán Mộc; H đưa cho Sơn 01 con dao, Văn cầm 01 con dao và Phúc cầm 01 con dao rồi cả ba xông vào chòi số 01; Ph nhào vô đập vào lưng Kh thì bị V đập té ngã làm rơi con dao, Sơn chém hai nhát trúng Kh, còn H đưa dao lên chém Kh nhưng Kh kịp thời bỏ chạy ra khỏi chòi thì S đuổi theo chém 02 nhát liên tục trúng vào tay Kh gây thương tích rồi cả nhóm nhanh chóng rời khỏi Quán Mộc, còn Kh thì được mọi người đưa đi cấp cứu.

Vật chứng thu giữ tại hiện trường một con dao bằng kim loại dài 21cm, màu trắng đen, lưỡi sắc, mũi nhọn.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 198-720/TgT ngày 05/8/2020, Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Kh: Vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái dài khoảng 08cm sâu khoảng 03cm đứt cân cơ đã lành sẹo kích thước 08cm x 0,5cm; Xquang cẳng tay trái: Gãy 1/3 giữa xương trụ, điều trị bó bột cố định xương, hiện: Xương lành thẳng trục. Vết thương ngón II, III, IV bàn tay trái mỗi vết dài 1,5cm sâu 0,5cm đã lành sẹo, mỗi vết kích thước 02cm x 0,1cm, 02cm x 0,1cm, 03cm x 0,1cm; các ngón tay cử động bình thường. Vết thương cổ tay phải mặt sau dài khoảng 05cm sâu 01cm đã lành sẹo kích thước 06cm x 0,2cm; bàn tay cử động bình thường. Vết thương cánh tay phải dài khoảng 15cm, sâu khoảng 03cm đứt cân cơ đã lành sẹo lồi kích thước 16cm x 01cm. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 19%.

Tại Bản cáo trạng số: 12/CT-VKSBT ngày 28/01/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri truy tố các bị cáo S, Ph và H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo S, Ph và H phạm tội “Cố ý gây thương tích”:

* Về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ph từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

* Về xử lý vật chứng đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 một con dao bằng kim loại dài 21cm, màu trắng đen, lưỡi sắt, mũi nhọn là hung khí gây án.

* Về trách nhiệm dân sự đề nghị: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận bị cáo H đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Tại phiên tòa, bị cáo S tự nguyện một mình bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận buộc bị cáo thực hiện.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo S, Ph, H thừa nhận toàn bộ hành vi cùng đồng bọn gây thương tích cho bị hại như nội dung đã nêu trên. Bị cáo H đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng, bị cáo S tự nguyện một mình bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho bị hại là 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng. Các bị cáo xin HĐXX xem xét xử nhẹ cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Kh trình bày: Nội dung vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu và các bị cáo trình bày đúng sự thật. Sau khi sự việc xảy ra, anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng, bị cáo H đã bồi thường cho anh số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng, nay anh đồng ý bị cáo S phải bồi thường số tiền còn lại 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng. Về trách nhiệm hình sự, anh yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện rõ trong quá trình điều tra vụ án, đồng thời bị cáo, người bị hại và những người tiến hành tố tụng không có ý kiến

gì về việc vắng mặt của những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo S , Ph , H là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do tính hung hăng côn đồ, S , Ph và H đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém Kh gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 19%; vụ việc xảy ra vào khoảng 20 giờ 30 ngày 24/6/2020 tại ấp T, xã B, huyện B. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo S , Ph , H về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng là “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức và ý thức được việc gây thương tích cho người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra đúng như các bị cáo mong muốn. Chính từ ý thức và việc làm sai trái trên đã gây ra những đau đớn về thể xác cho bị hại, gây tổn kém về tiền bạc cho việc điều trị, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng hình phạt tù giam mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả mà các bị cáo gây mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, S , Ph , H đều là người thực hành, trong đó S là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại nên chịu trách nhiệm cao nhất.

[7] Xét tình tiết tăng nặng của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khi báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo H có tác động gia đình bồi thường một phần cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và các bị cáo thống nhất số tiền bồi thường là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng. Bị cáo H đã bồi thường 5.000.000 (Năm triệu) đồng, bị cáo S tự nguyện một mình bị cáo sẽ bồi thường số tiền còn lại là 17.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 một con dao bằng kim loại dài 21cm, màu trắng đen, lưỡi sắt, mũi nhọn là hung khí gây án sẽ bị tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và bị cáo S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo S , Ph , H phạm “ Tội cố ý gây thương tích”.
2. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51; Các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo S 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Trừ vào thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2021 đến ngày 29/4/2021. Thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là 03 (Ba) năm 05 (Năm) tháng 01 (Một) ngày.

Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2021.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51; Các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ph 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2021.

4. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2021.

5. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587 và 590 của Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận bị cáo H đã bồi thường cho Kh số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Buộc bị cáo S phải bồi thường cho Kh số tiền 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 một con dao bằng kim loại dài 21cm, màu trắng đen, lưỡi sắt, mũi nhọn. Theo phiếu nhập kho số NKTV 07 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc các bị cáo S , Ph , H mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Cơ quan THAHS & HTTP Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng